

THÔNG BÁO

Kết quả thi môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), kỳ xét tuyển viên chức giáo viên, nhân viên ngành giáo dục huyện Sông Hình, năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 17/8/2022 của UBND huyện Sông Hình về việc xét tuyển viên chức giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hình năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Sông Hình về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hình năm học 2022-2023;

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hình năm học 2022-2023 thông báo kết quả thi môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), kỳ xét tuyển viên chức giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hình năm học 2022-2023 (Có danh sách kèm theo).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) đến hết **17 giờ 00 phút, ngày 20/12/2022** thí sinh có nhu cầu phúc khảo bài thi đề nghị gửi đơn xin phúc khảo bài thi (theo mẫu đính kèm) về Phòng GDĐT huyện Sông Hình (Đ/c: 03 Trần Hưng Đạo – Thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên) trong giờ hành chính. Lưu ý: Không nhận đơn xin phúc khảo qua bưu điện.

Lệ phí phúc khảo: 150.000 đ/thí sinh (Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hình năm học 2022-2023 thông báo cho thí sinh biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c)
- UBND huyện; (b/c)
- Hội đồng xét tuyển;
- Ban giám sát xét tuyển;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Trung tâm VH-TT&TT-TH huyện; (t/b)
- Phòng GDĐT, Nội vụ;
- UBND các xã, thị trấn (t/b)
- Lưu: Hs HĐXT

T.M HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Ksor Y Phun



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO

**Bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), kỳ xét tuyển viên chức
giáo viên, nhân viên ngành giáo dục huyện Sông Hinh, năm học 2022-2023**

Kính gửi: Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
huyện Sông Hinh, năm học 2022-2023

Tên tôi là: Nam, nữ:

Ngày sinh: Dân tộc:

Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc:

Tôi đã đăng ký dự xét tuyển viên chức giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và
Đào tạo huyện Sông Hinh năm học 2022-2023.

Vị trí đăng ký dự tuyển:

Số báo danh: Phòng thi số:

Sau khi nhận được thông báo của Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo
dục và Đào tạo huyện Sông Hinh, năm học 2022-2023, kết quả điểm thi môn nghiệp
vụ chuyên ngành (vòng 2) của tôi làđiểm

Với kết quả bài thi như trên, tôi làm đơn phúc khảo kính đề nghị Hội đồng xét
tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sông Hinh, năm học 2022-2023
xem xét và chấm phúc khảo cho tôi bài thi Môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2)

Lý do:

.....
.....
.....
.....

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

....., ngày..... tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN SÔNG HÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số: 542 /TB-HDXT ngày 06 tháng 12/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức huyện)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN MẦM NON

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	MN01	HỒ BỐC			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	25.1	5.0		30.1	Dân tộc thiểu số
2	MN02	LÀ Ô HỒ BUN			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	75.8	5.0		80.8	Dân tộc thiểu số
3	MN03	PHẠM THỊ THUỶ CHI			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	89.9			89.9	
4	MN04	LÀ THỊ THU DIỄM			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	67.8	5.0		72.8	Dân tộc thiểu số
5	MN05	LÊ THỊ MỸ DUNG			Đồng Hoà-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	50.5			50.5	
6	MN06	NGUYỄN THỊ KIM DUNG			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	Vắng				
7	MN07	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	53.7	5.0		58.7	Con thương binh
8	MN08	NGUYỄN THỊ HẠNH			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	82.8			82.8	
9	MN09	NGUYỄN THỊ THU HOA			Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên mầm non	30.5			30.5	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
10	MN10	TRẦN THỊ KIÊM		17/5/1985	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	58.8			58.8	
11	MN11	NAY HỒ		16/4/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	60.9	5.0		65.9	Dân tộc thiểu số
12	MN12	PHAN THỊ THANH HƯƠNG		15/02/1990	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	82.7			82.7	
13	MN13	DƯƠNG HUỆ KHANH		10/02/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	68.2			68.2	
14	MN14	H YOAN KSOR		02/02/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	54.3	5.0		59.3	Dân tộc thiểu số
15	MN15	PHẠM THỊ LÃNH		30/3/1994	Tây Hoà-Phú Yên	Giáo viên mầm non	54.4	5.0		59.4	Con thương binh
16	MN16	KPÃ LINH		24/3/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	76.8	5.0		81.8	Dân tộc thiểu số
17	MN17	LÊ THỊ MỸ LINH		20/5/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	77.0			77.0	
18	MN18	PHAN THỊ ANH LY		16/9/2000	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	78.2			78.2	
19	MN19	CAO THỊ TRÚC LY		12/01/2000	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	79.9			79.9	
20	MN20	VŨ THỊ TRÚC LY		02/5/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	62.0			62.0	
21	MN21	BÙI THỊ TRÚC LY		01/11/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	68.4			68.4	
22	MN22	HỒ MAI		10/12/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	83.2	5.0		88.2	Dân tộc thiểu số
23	MN23	NIÊ HỒ NÁP		10/06/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	89.2	5.0		94.2	Dân tộc thiểu số

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN SÔNG HỒNG

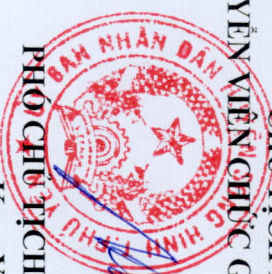
STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
24	MN24	TRIỆU THỊ NGÂN		12/10/1989	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	45.2	5.0		50.2	Dân tộc thiểu số
25	MN25	HUYỀN THÁI NGÂN		27/12/1998	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	30.3			30.3	
26	MN26	KSOR HỒ NGHĨA		12/10/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	Vắng	Dân tộc thiểu số			
27	MN27	LƯƠNG THỊ NGỌC		07/3/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	40.5			40.5	
28	MN28	TRỊNH TRẦN NHẬT NGUYỄN		24/3/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	76.0			76.0	
29	MN29	NIỀ HỒ NHA		10/3/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	68.3	5.0		73.3	Dân tộc thiểu số
30	MN30	HỒ NHON		15/11/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	50.9	5.0		55.9	Dân tộc thiểu số
31	MN31	HỒ NHUN		05/02/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	75.5	5.0		80.5	Dân tộc thiểu số
32	MN32	VÕ THỊ TUYẾT NHUNG		10/8/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	82.3			82.3	
33	MN33	CHÂU THỊ MỸ NHUNG		05/4/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	92.0			92.0	
34	MN34	HUYỀN THỊ MỸ NUÔNG		05/9/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	84.3			84.3	
35	MN35	KSOR HỒ RIN		30/4/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	80.4	5.0		85.4	Dân tộc thiểu số
36	MN36	NGUYỄN THỊ TÂM		26/4/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	66.5			66.5	
37	MN37	ĐINH THANH THANH		08/06/1997	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	77.0			77.0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
38	MN38	LÊ MÔ HỒ THANH		06/7/1999	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	74.2	5.0		79.2	Dân tộc thiểu số
39	MN39	K P Á AI THI		06/7/1999	Sơn Hòa -Phú Yên	Giáo viên mầm non	84.8	5.0		89.8	Dân tộc thiểu số
40	MN40	KSOR THUNG		03/5/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	74.0	5.0		79.0	Dân tộc thiểu số
41	MN41	NAY HỒ TRINH		14/6/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	45.5	5.0		50.5	Dân tộc thiểu số
42	MN42	DƯƠNG THỊ HỒNG VÂN		10/8/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	66.2			66.2	
43	MN43	THAI THỊ YẾN		20/3/1996	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên mầm non	84.8			84.8	
TỔNG CỘNG			0	43	43	43	43	20	0	41	19

Sông Hình, ngày 06 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

XÉT TUYỂN VIỆN CHỨC GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Ksor Y Phun

PH. T. PH.

UBND HUYỆN SÔNG HÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số 542/TB-HDXT ngày 06 tháng 12/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức huyện)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY CÁC MÔN		1	18	19	19	19	6	0	19	6
1	TH01	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH		02/4/1998	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	52.4			52.4	
2	TH02	NGUYỄN THỊ THUỶ DIỄM		15/4/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	68.3			68.3	
3	TH03	NINH THỊ DUNG		08/03/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	72.8			72.8	
4	TH04	TRẦN THU HÀ		13/4/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	66.2	5.0		71.2	Dân tộc thiểu số
5	TH05	CAO THỊ THANH HÀ		13/12/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	80.0			80.0	
6	TH06	NGUYỄN HỮU HÂN	15/01/1981		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	55.2			55.2	
7	TH07	VŨ THỊ THANH HIỀN		10/3/1987	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	64.6			64.6	
8	TH08	HOÀNG THANH HOA		06/4/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	44.0	5.0		49.0	Dân tộc thiểu số



1

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
9	TH09	NGUYỄN LÊ TRÚC LAM		10/12/1999	Đông Hoà - Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	66.7			66.7	
10	TH10	LÊ Ô HỒ NHA		08/3/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	64.5	5.0		69.5	Dân tộc thiểu số
11	TH11	HUYỀN HỒ NHÂM		10/02/1995	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	42.4	5.0		47.4	Dân tộc thiểu số
12	TH12	TRẦN THỊ HUỲNH NHƯ		02/01/2000	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	84.5			84.5	
13	TH13	NAY HỒ QUÝ		15/9/1994	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	42.3	5.0		47.3	Dân tộc thiểu số
14	TH14	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN		19/6/1995	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	65.7			65.7	
15	TH15	NGUYỄN NGỌC MINH THU		25/11/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	74.5			74.5	
16	TH16	TRẦN THỊ LÊ THUY		05/12/1993	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	58.3			58.3	
17	TH17	NGUYỄN THỊ THUY TIÊN		21/10/1999	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	69.4			69.4	
18	TH18	PHAN THỊ TÚ		20/7/1997	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	59.4			59.4	
19	TH19	ĐẶNG THỊ VÂN		01/01/1994	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy các môn	63.5	5.0		68.5	Dân tộc thiểu số
II	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY TIN HỌC		1	3	4	4	4	1	0	4	1
20	TITH01	VÕ CÔNG HUÂN	04/01/1993		Đức Co- Gia Lai	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học	69.0			69.0	
21	TITH02	ĐÀO THỊ NGƯNG		30/12/1987	Sông Hình- Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học	74.5			74.5	



12

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
22	TITH03	NGUYỄN THỊ TÂM		15/4/1984	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học	72.0	5.0		77.0	Con thương binh
23	TITH04	NGUYỄN THỊ KIM THOA		16/01/1989	Sơn Hoà-Phú Yên	Giáo viên Tiểu học dạy Tin học	36.0			36.0	

Sông Hình, ngày 06 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN



PHÓ CHỦ MỊCH UBND HUYỆN
Ksor Y Phun

PHÓ CHỦ MỊCH UBND HUYỆN

UBND HUYỆN SÔNG HÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số 542/TB-HDXT ngày 06 tháng 12/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức huyện)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: GIÁO VIÊN THCS

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN TOÁN		5	4	9	9	9	0	0	9	0
1	T01	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	17/3/1993		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	68.0			68.0	
2	T02	HÀ THỊ HUÔNG		20/7/1996	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	57.5			57.5	
3	T03	PHẠM ĐO KHẮC	07/9/1994		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	64.5			64.5	
4	T04	LÊ HỮU NHẬT LINH	15/10/1994		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	67.0			67.0	
5	T05	PHẠM THỊ YẾN LINH		21/5/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	59.5			59.5	
6	T06	LÊ HUỠNH HẢI MỸ		05/12/1995	Đông Xuân -Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	76.5			76.5	
7	T07	NGUYỄN QUANG NHẬT	30/01/1990		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	70.5			70.5	



STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
8	T08	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG		28/02/1994	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	69.0			69.0	
9	T09	LÊ NGỌC THIÊN	24/12/1994		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Toán	77.0			77.0	
II	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN NGỮ VĂN		2	7	9	9	9	4	0	7	
1	NV01	HỒ BLÔI		02/9/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	50.3	5.0		55.3	Dân tộc thiểu số
2	NV02	HUYỀN THỊ NGỌC HẠNH		20/02/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	89.5			89.5	
3	NV03	HUYỀN THỊ HỒNG LÝ		30/12/1990	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	Vắng				
4	NV04	PHAN NGỌC NHANH	21/7/1987		Son Hoà-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	67.3			67.3	
5	NV05	KPÁ HỒ NHUNG		06/12/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	Vắng	Dân tộc thiểu số			
6	NV06	VŨ THỊ OANH OANH		22/5/1991	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	79.0	5.0		84.0	Con thương binh
7	NV07	Y TÁ	27/12/1988		Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	56.5	5.0		61.5	Dân tộc thiểu số
8	NV08	ĐOÀN THỊ THANH THUY		12/7/1987	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	87.5			87.5	
9	NV09	PHAN THỊ THUY TRÂM		06/7/1993	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Ngữ văn	70.5			70.5	



STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
III	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN VẬT LÝ		0	2	2	2	2	0	0	2	0
1	VL01	VÕ THỊ KIM HẰNG		25/10/1999	Đông Xuân-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Vật lý	61.5			61.5	
2	VL02	NGUYỄN ĐÀO THẢO PHƯƠNG		20/8/1998	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Vật lý	59.5			59.5	
IV	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN HOÁ HỌC		1	8	9	9	9	4	0	7	4
1	H01	LÊ THỊ ANH		22/7/1995	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Vắng				
2	H02	HỒ BAY		26/08/1988	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	34.5	5.0		39.5	Dân tộc thiểu số
3	H03	RAH LAN BLÊN	15/6/1989		Krông Pa-Gia Lai	Giáo viên THCS dạy Hoá học	58.5	5.0		63.5	Dân tộc thiểu số
4	H04	LÃNG THỊ HƯỜNG		05/9/1989	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	59.0	5.0		64.0	Dân tộc thiểu số
5	H05	VÕ THỊ DIỆU LAN		03/05/1995	Tây Hoà -Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	Vắng				
6	H06	CAO THỊ THUỶ NGÂN		20/7/1988	Đông Xuân-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	44.0			44.0	
7	H07	ĐẶNG THỊ NỮ		16/12/1992	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	75.5			75.5	
8	H08	ĐINH THỊ THU		03/4/1988	Sơn Hoà-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	52.5			52.5	
9	H09	LƯƠNG THỊ VANH		17/6/1985	Sông Hình-Phú Yên	Giáo viên THCS dạy Hoá học	46.0	5.0		51.0	Dân tộc thiểu số

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
V	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN LỊCH SỬ		4	7	11	11	11	6	0	11	6
1	LS01	NÔNG THỊ BẠCH		14/8/1987	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	58.3	5.0		63.3	Dân tộc thiểu số
2	LS02	TRIỆU VĂN BIÊN	18/01/1986		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	61.5	5.0		66.5	Dân tộc thiểu số
3	LS03	HỒ BÚP		27/7/1993	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	39.0	5.0		44.0	Dân tộc thiểu số
4	LS04	NIÊ HỒ HỘI		18/4/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	40.8	5.0		45.8	Dân tộc thiểu số
5	LS05	NAY HỒ HON		12/12/1996	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	67.5	5.0		72.5	Dân tộc thiểu số
6	LS06	KSOR Y LỨC	17/8/1994		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	59.0	5.0		64.0	Dân tộc thiểu số
7	LS07	CAO NHƯ NGỌC	20/6/1992		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	52.8			52.8	
8	LS08	NGUYỄN THỊ QUỲNH		23/7/1996	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	56.5			56.5	
9	LS09	NGUYỄN THỊ THANH SƯƠNG		20/5/1982	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	58.0			58	
10	LS10	ĐỖ TÂN TRUNG	19/8/1985		Đông Hoà - Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	32.8			32.8	
11	LS11	ĐINH THỊ CẨM VI		10/7/1988	Son Hoà-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	45.0			45.0	



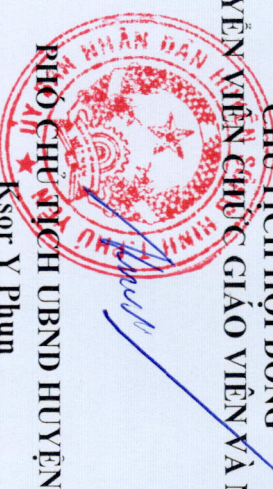
STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
VI	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN ĐỊA LÝ		2	4	6	6	6	3	0	6	3
1	DL01	NGUYỄN THỊ KHUYẾN		08/8/1992	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	55.0	5.0		60.0	Dân tộc thiểu số
2	DL02	CAO THỊ HẰNG NGA		15/8/1993	Đồng Xuân-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	56.0			56.0	
3	DL03	ĐẶNG THỊ NGỌC SƯƠNG		28/10/1991	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	60.0			60.0	
4	DL04	TRIỆU THỊ THIÊN		03/02/1982	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	56.0	5.0		61.0	Dân tộc thiểu số
5	DL05	HUYỀNH TUÂN	10/10/1978		Phủ Hoà-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	33.0			33.0	
6	DL06	NAY Y XEM	03/04/1993		Son Hoà-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Địa lý	4.0	5.0		9.0	Dân tộc thiểu số
VII	GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN THỂ DỤC		7	1	8	8	8	5	0	8	5
1	TD01	Y A	24/4/1989		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	54.0	5.0		59.0	Dân tộc thiểu số
2	TD02	LƯƠNG CÔNG BẢO	09/7/1992		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	53.5			53.5	
3	TD03	KSOR Y BRỎI	17/5/1985		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	50.0	5.0		55.0	Dân tộc thiểu số
4	TD04	A LÊ Y ĐOİM	15/7/1994		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	55.0	5.0		60.0	Dân tộc thiểu số
5	TD05	NAY TRUNG NAM	25/01/1995		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	2.5	5.0		7.5	Dân tộc thiểu số
6	TD06	TRẦN ĐỨC NHÂN	17/11/1983		Son Hoà-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	64.5			64.5	
7	TD07	LÊ Y SỰ	20/5/1995		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	20.3	5.0		25.3	Dân tộc thiểu số

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vi phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
8	TD08	NGUYỄN THỊ YẾN		08/3/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Thể dục	63.8			63.8	
VIII GIÁO VIÊN THCS DẠY GD CD			1	1	2	2	2	1	0	2	1
1	CD01	NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM		01/4/1989	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy GD CD	75.0			75.0	
2	CD02	NAY Y TIN	05/6/1994		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy GD CD	50.5	5.0		55.5	Dân tộc thiểu số
IX GIÁO VIÊN THCS DẠY MÔN TIN HỌC			2	3	5	5	5	1	0	5	1
1	Ti01	HÀ THỊ MỸ LIÊN		20/7/1988	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	79.5			79.5	
2	Ti02	ĐẶNG THỊ A MIN		16/02/1988	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	92.0			92.0	
3	Ti03	LÊ THỊ MINH NGÀ		16/5/1989	Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	83.0			83.0	
4	Ti04	NAY Y NHÂN	13/4/1988		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	85.5	5.0		90.5	Dân tộc thiểu số
5	Ti05	TRẦN NHẬT TOÀN	09/03/1989		Sông Hình-Phủ Yên	Giáo viên THCS dạy Tin học	77.0			77.0	

Sông Hình, ngày 06 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Ksor Y Phun

UBND HUYỆN SÔNG HÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số 542/TB-HDXT ngày 06 tháng 12/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức huyện)

VỊ TRÍ XÉT TUYỂN: NHÂN VIÊN VĂN THƯ; NHÂN VIÊN THƯ VIỆN

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
1	NHÂN VIÊN VĂN THƯ		0	13	13	13	13	3	0	13	3
1	VT01	TÔN THỊ MỸ CHI			22/8/1990	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	41.8		41.8	
2	VT02	HỒ ĐÁ			30/8/1991	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	20.0	5.0	25.0	Dân tộc thiểu số
3	VT03	TRẦN THỊ THU HẰNG			01/9/1995	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	23.5		23.5	
4	VT04	PHẠM THỊ HIỆP			07/5/1989	Sơn Hoà-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	27.2		27.2	
5	VT05	TRẦN THỊ MỸ LINH			20/10/1992	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	10.8		10.8	
6	VT06	HỒ MAI			25/10/1987	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	12.5	5.0	17.5	Dân tộc thiểu số
7	VT07	NGUYỄN THỊ KIM OANH			13/10/1994	Sông Hình-Phủ Yên	Nhân viên Văn thư	25.0		25.0	



4

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
8	VT08	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG		24/4/1989	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	39.8			39.8	
9	VT09	NÔNG THỊ KIM THUY		10/10/1988	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	39.8	5.0		44.8	Dân tộc thiểu số
10	VT10	NGUYỄN THỊ THUY		01/12/1990	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	59.3			59.3	
11	VT11	TRẦN THỊ THU TRANG		14/10/1988	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	31.5			31.5	
12	VT12	NGUYỄN THỊ MINH TRINH		24/9/1992	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	31.5			31.5	
13	VT13	NGUYỄN THỊ VIÊN		01/4/1984	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Văn thư	27.5			27.5	
II NHÂN VIÊN THƯ VIỆN			1	12	13	13	13	2	0	12	2
1	TV01	HỒ THỊ CHÁT		19/7/1987	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	56.5			56.5	
2	TV02	LÊ HUYỀN DUY GIANG		02/8/1997	Son Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	52.5			52.5	
3	TV03	ĐÀU THỊ HOA		29/4/1984	Son Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	30.5			30.5	
4	TV04	VŨ THỊ KHUÔNG		02/5/1986	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	52.8			52.8	
5	TV05	ĐOÀN THỊ DIỆU LAM		26/9/1984	Đồng Xuân-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	12.0			12.0	



2

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Vị trí xét tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm trừ vì phạm nội quy	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ							
6	TV06	NGÔ THỊ TRÚC LY		20/11/1982	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	28.0			28.0	
7	TV07	BÙI THỊ MAI		12/11/1991	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	14.8			14.8	
8	TV08	HÀ THỊ MỸ		15/02/1982	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	25.5			25.5	
9	TV09	PHAN VŨ THIÊN	23/3/1994		Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	50.0			50.0	
10	TV10	TÔN NỮ HỒNG TRÂN		16/10/1977	Sông Hình-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	21.0			21.0	
11	TV11	SỎ HUYỀN TRANG		20/5/1988	Son Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	36.5	5.0		41.5	Dân tộc thiểu số
12	TV12	NGUYỄN THỊ KIM VÂN		24/4/1972	Phú Hoà-Phú Yên	Nhân viên Thư viện	Vắng				
13	TV13	NAY H' YUK		11/10/1990	Krông Pa-Gia Lai	Nhân viên Thư viện	59.8	5.0		64.8	Dân tộc thiểu số

Sông Hình, ngày 16 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
XÉT TUYỂN NHÂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Ksor Y Phun



MINH T. P.